

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/2021/QĐST-DS

C, ngày 08 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 107/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C;

Địa chỉ: Số 108 đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đ Thọ;

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần C;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn A, sinh năm: 1961;

Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C chi nhánh Gia Lai
(Theo văn bản ủy quyền số 266/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/3/2020);

Địa chỉ: Số 01 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Lê Xuân Đ, sinh năm: 1953 và bà Phan Thị K, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Bích V, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: 107 H, phường Y, TP. P, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền phải thanh toán:

Ông Lê Xuân Đ và bà Phan Thị K công nhận có nợ và cam kết có nghĩa vụ chung trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thông qua Ngân hàng Thương

mại cổ phần C Chi nhánh Gia Lai tổng số tiền là 1.838.722.432 đồng (*Một tỷ tám trăm ba mươi tám triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.449.998.753 đồng (*một tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*) và tiền nợ lãi tính đến ngày 31/3/2021 là 388.723.679 đồng (*ba trăm tám mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng*).

2.2. Về thời hạn, phương thức trả tiền:

Ông Lê Xuân Đ và bà Phan Thị K có nghĩa vụ chung thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần C Chi nhánh Gia Lai tổng số tiền là 1.838.722.432 đồng (*Một tỷ tám trăm ba mươi tám triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.449.998.753 đồng (*một tỷ bốn trăm bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*) và tiền nợ lãi tính đến ngày 31/3/2021 là 388.723.679 đồng (*ba trăm tám mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng*) trong thời hạn 05 (năm) tháng kể từ ngày 31/3/2021 đến hết ngày 31/8/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành là ngày 31/3/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp ông Lê Xuân Đ và bà Phan Thị K không thanh toán dứt điểm nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thì bị đơn ông Lê Xuân Đ, bà Phan Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bích V phải giao tài sản đã thế chấp để Ngân hàng Thương mại cổ phần C yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1146/2018/HĐBĐ/NHCT500 ngày 28/09/2018 và hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1092/HĐTC ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất các thửa đất như sau:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Xã T, huyện C, Gia Lai. Thửa đất số 02 + 02a. Tờ bản đồ số QH xã T. Diện tích đất là 247 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 544491 do UBND Huyện C cấp ngày 20/12/2007.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Xã T, huyện C, Gia Lai. Thửa đất số 01 + 01a. Tờ bản đồ số QH xã T. Diện tích đất là 274.5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 077800 do UBND Huyện C cấp ngày 25/07/2006.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Xã T, huyện C, Gia Lai. Thửa đất số 03+06. Tờ bản đồ số 10, 14. Diện tích đất là 22.778 m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 320650 do UBND Huyện C cấp ngày 15/12/2005.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Làng Bàng, xã Bình Giáo, huyện C, tỉnh Gia Lai. Thửa đất số 93b. Tờ bản đồ số 25. Diện tích đất là 960 m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 018759 do UBND Huyện C cấp ngày 17/01/2012.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai; Thửa đất số: 257+321+32+37. Tờ bản đồ số: 24, 26. Tổng diện tích đất: 28.940 m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 202386 do UBND Huyện C cấp ngày 17/12/1999.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai; Thửa đất số: 00. Tờ bản đồ số: Trích đo. Tổng diện tích đất: 14.819 m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 776523 do UBND Huyện C cấp ngày 01/08/2012.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai; Thửa đất số: 96. Tờ bản đồ số: 09. Thửa đất số: 96. Tổng diện tích đất: 10.271 m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 260894 do UBND Huyện C cấp ngày 14/12/2006.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C có nghĩa vụ trả cho ông Lê Xuân Đ và bà Phan Thị K Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 544491 do UBND Huyện C cấp ngày 20/12/2007; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 077800 do UBND Huyện C cấp ngày 25/07/2006; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 320650 do UBND Huyện C cấp ngày 15/12/2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 018759 do UBND Huyện C cấp ngày 17/01/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 202386 do UBND Huyện C cấp ngày 17/12/1999; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 776523 do UBND Huyện C cấp ngày 01/08/2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 260894 do UBND Huyện C cấp ngày 14/12/2006 ngay sau khi ông Lê Xuân Đ và bà Phan Thị K trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

2.3. Về án phí sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm trường hợp hoà giải thành trước khi mở phiên tòa là $[(36.000.000 \text{ đ} + (1.038.722.432 \text{ đồng} \times 3\%)) : 2 = 33.580.836 \text{ đồng}]$ (ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Bị đơn ông Lê Xuân Đ và bà Phan Thị K tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 33.580.836 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần C Chi nhánh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 30.239.148 đồng (ba mươi triệu hai trăm ba mươi chín nghìn một trăm bốn mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006489 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

2.4. Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Xuân Đ và bà Phan Thị K phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*). Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*). Ông Lê Xuân Đ và bà Phan Thị K phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần C chi nhánh Gia Lai số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương